



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo Quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLOG
ngày tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Đo lường – hiệu chuẩn
Laboratory:	Measurement - Calibration Laboratory
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ Labmaster
Organization:	Labmaster Service and Technology Company Limited (Labmaster ST Co., Ltd)
Số hiệu/ Code:	VILAS 1531
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực Field	Đo lường - Hiệu chuẩn Measurement - Calibration
Người quản lý Laboratory manager	Lê Cảnh Nhật Quang Le Canh Nhat Quang
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	Kể từ ngày /08/2025 đến ngày 01/04/2027
Địa chỉ/ Address:	374A/40/2H Nguyễn Xí, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh 374A/40/2H Nguyen Xi, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh City
Địa điểm/Location:	17 đường 179, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh. 17 Street 179, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/ Tel:	0938 088 239
Email:	sale@labmaster.vn
Website:	www.labmaster.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 1531

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt độ

Field of calibration: Temperature

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Tủ sấy/ tủ ẩm (x) <i>Temperature - Oven/ Incubator</i>	(20 ~ 90) °C	LAB-T-01 (2023)	1,0 °C
2.	Tủ kiểm soát nhiệt độ - độ ẩm (x) <i>Humidity & Temperature Chamber</i>	(20 ~ 60) °C	LAB-TH-01 (2023)	0,8 °C
		(50 ~ 90) %RH		3,8 %RH
3.	Bộ chỉ thị nhiệt độ của máy giặt (x) <i>Temperature indicator of washing machine</i>	Bền màu <i>Colour fastness</i>	LAB-T-02 (2023)	0,8 °C
		Cửa trước <i>Front Loading</i>		1,0 °C
		Cửa trên <i>Top Loading</i>		1,5 °C

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Khối lượng

Field of calibration: Mass

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Quả tải (có khối lượng định sẵn) (x) <i>Weights (with specified mass)</i>	(100 ~ 1 000) g	LAB-M-01 (2023)	0,43 g
		(1 000 ~ 5 000) g		1 g
2.	Cân điện tử, cấp chính xác 2 (x) <i>Digital Balance, Accuracy class 2</i>	Đến/ to 300 g	LAB-M-02 (2023)	0,0053 g
		(300 ~ 600) g		0,02 g
		(600 ~ 2 000) g		0,03 g
3.	Cân điện tử, cấp chính xác 3 (x) <i>Digital Balance, Accuracy class 2</i>	Đến/ to 2 000 g	LAB-M-02 (2023)	0,18 g
		(2 000 ~ 7 000) g		0,5 g
		(7 000 ~ 10 000) g		0,65 g
		(30 000 ~ 100 000) g		24 g

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION***VILAS 1531****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Lực***Field of calibration: Force*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)¹ <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Thiết bị thử độ bền kéo (x) <i>Tensile strength machines</i>	(300 ~ 2 500) N	LAB-FO-01 (2023)	0,4 %

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Tần số*Field of calibration: Frequency*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)¹ <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Thiết bị thử độ mài mòn và xù lông của vải Martindale (x) <i>Abrasion & Pilling Tester of Martindale</i>	44,5 rpm 47,5 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm 0,6 rpm
2.	Thiết bị thử độ xù lông và xước móc theo tiêu chuẩn ICI (x) <i>ICI Pilling & Snagging Tester</i>	30 rpm 60 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm 0,6 rpm
3.	Thiết bị thử độ xù lông theo ASTM (x) <i>ASTM Random tumble pilling</i>	1 200 rpm	LAB-F01 (2023)	1,5 rpm
4.	Thiết bị thử độ xước móc dạng cái chùy (x) <i>Mace Snagging Tester</i>	60 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm
5.	Máy giặt lồng đứng theo tiêu chuẩn AATCC (x) <i>AATCC Top load washing machine</i>	(500 ~ 700) rpm	LAB-F01 (2023)	0,7 rpm
6.	Máy giặt lồng ngang (x) <i>Front-loading washing machine</i>	(500 ~ 1 400) rpm	LAB-F01 (2023)	1,4 rpm
7.	Máy giặt bền màu (x) <i>Colour fastness washing machine</i>	40 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION***VILAS 1531**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)¹ <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
8.	Máy lắc (x) <i>Shaking machine</i>	(30 ~ 200) rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm
9.	Máy khuấy từ (x) <i>Stirrer</i>	(10 ~ 1 000) rpm	LAB-F01 (2023)	1,4 rpm
10.	Máy thử nghiệm bền màu ma sát, veslic (x) <i>Motorized Crocking, Veslic Meter</i>	60 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm
11.	Máy thử uốn gấp da (x) <i>Flexing Tester</i>	100 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm
12.	Máy thử mài mòn da theo tiêu chuẩn DIN (x) <i>DIN Abrasion Tester</i>	40 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm
13.	Máy thử mài mòn TABER (x) <i>TABER Abrasion Tester</i>	100 rpm	LAB-F01 (2023)	0,6 rpm

Ghi chú/ Notes:

- LAB-xxx: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed procedures*;

- (x): Các phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường/ *Calibration performed outside laboratory*;

⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

Trường hợp Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ Labmaster cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ Labmaster phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Labmaster Service and Technology Company Limited that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services./*

